

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30/5/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông RChâm Đương và ông Nguyễn Nh Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Tr, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hà Văn S, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Tr và ông Hà Văn S có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 21/8/2015. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, ông S thường xuyên chửi bới, xúc phạm bà Tr, thậm chí còn xảy ra xô xát, đánh đập bà Tr. Bà Tr đã nhiều lần khuyên nhủ, tha thứ, tạo cơ hội để hai vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau, nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra. Đến tháng 5/2020 bà Tr không thể chịu đựng nổi mâu thuẫn vợ chồng nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn M, xã L, huyện

Ng, tỉnh Thanh Hóa, để sinh sống cho đến hiện nay. Quá trình sống ly thân, thời gian đầu ông S có liên lạc nhưng đều chửi bới bà Tr, có lần còn xúc phạm gia đình mẹ đẻ của bà Tr, sau đó thì hai vợ chồng không còn bất cứ liên lạc gì với nhau. Phía gia đình hai bên cũng thống nhất theo sự quyết định của bà Tr. Hiện nay bà Tr không còn tình cảm với ông S nên bà yêu cầu ly hôn ông Hà Văn S.

Về con chung: Bà Bùi Thị Tr và ông Hà Văn S có 01 (một) con chung, là Hà Quỳnh Nh, sinh ngày 25/9/2016. Từ thời điểm sống ly thân cho đến nay, cháu Nh ở cùng với bà Tr. Bà Tr có nguyện vọng được nuôi cháu Nh và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Bà Tr đang làm nhân viên phục vụ quán ăn, thu nhập hàng tháng là 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Bùi Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của bị đơn là ông Hà Văn S:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S vắng mặt không cung cấp ý kiến, yêu cầu và tài liệu, chứng cứ.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là ông Hà Văn S đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Bà Bùi Thị Tr và ông Hà Văn S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Tr: Bà Tr cho rằng quan hệ hôn nhân giữa bà và ông S thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Ông S đã được Tòa án thông báo yêu cầu khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng không có ý kiến phản đối những tình tiết bà Tr đã đưa ra và không tham gia hòa giải tranh chấp, điều này thể hiện không còn quan tâm hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn hôn nhân của bà Tr và ông S đã trầm trọng, không chung sống với nhau trong thời gian dài và không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr theo quy định tại các Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Bùi Thị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Quỳnh Nh, ông S không có ý kiến phản đối. Xét cháu Nh do bà Tr trực tiếp

nuôi dưỡng và bà Tr đủ khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tr.

[5] Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tuy nhiên phải tôn trọng, không được lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện nuôi con theo quy định tại các Điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về án phí: Bà Tr phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy S Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng các Điều 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị Tr và ông Hà Văn S.

- Về con chung: Bà Bùi Thị Tr là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Quỳnh Nh, sinh ngày 25/9/2016 cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Hà Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con khi người trực tiếp nuôi con không còn đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008802 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, thời hạn kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND xã Ia Tô, huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Huy